

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

## Mũi lấy cao răng

---

### 1. Tên sản phẩm

Mũi lấy cao răng

---

### 2. Quy cách

G1, G2, G4, G5, G1-S, G2-S, G4-S, G5-S, P1, P3, P4, P50L, P50R, P52, P53L, P53R, P56, P59, P3D, P4D, P1-S, P3-S, P4-S, P50L-S, P50R-S, P52-S, P53L-S, P53R-S, P56-S, P59-S, P3-SD, P4-SD, E1, E3, E4, E5, E6, E7, E8, E9, E10, E30, E31, E3D, E4D, E5D, E6D, E7D, E8D, E9D, E1-S, E3-S, E4-S, E5-S, E6-S, E7-S, E8-S, E9-S, E10-S, E30-S, E31-S, E3-SD, E4-SD, E5-SD, E6-SD, E7-SD, E8-SD, E9-SD, E30-SD, E31-SD, TC1, TC1D, TC1-S, TC1-SD.

---

### 3. Cấu tạo và chức năng

Sản phẩm này gồm:

- Phần làm việc
- Phần đuôi

Phần đuôi được kết nối với máy lấy cao siêu âm. Sản phẩm có thể là loại cố định hoặc thay thế được.

Sản phẩm được dẫn động bởi máy lấy cao siêu âm và dùng để:

- Làm sạch bề mặt răng
  - Làm sạch và tạo hình ống tủy
  - Làm sạch các khu vực khác trong khoang miệng
- 

### 4. Phạm vi sử dụng

Sản phẩm được sử dụng kết hợp với máy lấy cao siêu âm để:

- Làm sạch bề mặt răng
  - Làm sạch và tạo hình ống tủy
  - Làm sạch các khu vực khác
- 

### 5. Ngày sản xuất

Xem trên nhãn bao bì.

---

### 6. Chống chỉ định

6.1 Không sử dụng cho bệnh nhân mắc bệnh máu khó đông.

6.2 Không sử dụng cho:

- Bệnh nhân có máy tạo nhịp tim
- Bác sĩ có máy tạo nhịp tim

6.3 Cần thận trọng khi sử dụng cho:

- Bệnh nhân mắc bệnh tim
  - Phụ nữ mang thai
  - Trẻ em
- 

## 7. Phân loại mũi

### 7.1 Lấy cao răng (Scaling)

G1, G2, G4, G5, G1-S, G2-S, G4-S, G5-S

---

### 7.2 Nha chu (Periodontic)

P1, P3, P4, P50L, P50R, P52, P53L, P53R, P56, P59, P3D, P4D,  
P1-S, P3-S, P4-S, P50L-S, P50R-S, P52-S, P53L-S, P53R-S, P56-S, P59-S, P3-SD, P4-SD

---

### 7.3 Nội nha (Endodontic)

E1, E3, E4, E5, E6, E7, E8, E9, E10, E30, E31, E3D, E4D, E5D, E6D, E7D, E8D, E9D,  
E1-S, E3-S, E4-S, E5-S, E6-S, E7-S, E8-S, E9-S, E10-S, E30-S, E31-S,  
E3-SD, E4-SD, E5-SD, E6-SD, E7-SD, E8-SD, E9-SD, E30-SD, E31-SD

---

### 7.4 Chuẩn bị xoang (Cavity Preparation)

TC1, TC1D, TC1-S, TC1-SD

---

## 8. Hướng dẫn sử dụng

---

### 8.1 Lấy cao răng (Scaling)

#### 8.1.1 G1 / G1-S

Dùng để loại bỏ cao răng trên nướu toàn bộ.

Công suất áp dụng: 1–10 / G

---

#### 8.1.2 G2 / G2-S

Dùng để loại bỏ cao răng trên nướu lớn.

Công suất áp dụng: 1–10 / G

---

### **8.1.3 G4 / G4-S**

Dùng để lấy cao răng trên nướu và vùng kẽ răng.

Công suất áp dụng: 1–10 / G

---

### **8.1.4 G5 / G5-S**

Dùng để loại bỏ cao răng bám mép nướu và mảng bám.

Công suất áp dụng: 1–10 / G

---

## **8.2 Nha chu**

### **8.2.1 P1 / P1-S**

Dùng để loại bỏ cao răng dưới nướu và rửa túi nha chu.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

### **8.2.2 P3 / P3-S**

Dùng để loại bỏ cao răng trong túi nha chu sâu và rửa túi.

Công suất áp dụng: 1–6 / P

---

### **8.2.3 P4 / P4-S**

Dùng để loại bỏ cao răng trong túi nông.

Công suất áp dụng: 1–6 / P

---

### **8.2.4 P50L / P50L-S**

Dùng để:

- Thăm dò cao răng dưới nướu
- Lấy cao răng mặt gần dưới nướu
- Làm nhẵn bề mặt chân răng

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

### **8.2.5 P50R / P50R-S**

Chức năng tương tự P50L, dùng phía bên phải.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

#### **8.2.6 P52 / P52-S**

Dùng để lấy cao răng trên nướu.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

#### **8.2.7 P53L / P53L-S**

Dùng để:

- Thăm dò cao răng dưới nướu
- Lấy cao răng mặt gần
- Làm nhẵn chân răng

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

#### **8.2.8 P53R / P53R-S**

Chức năng tương tự P53L, phía đối diện.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

#### **8.2.9 P59 / P59-S**

Dùng để thăm dò và lấy cao răng dưới nướu.

Công suất áp dụng: 1–6 / P

---

#### **8.2.10 P56 / P56-S**

Dùng để loại bỏ cao răng lớn và mảng bám trên nướu.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

#### **8.2.11 P3D / P3-SD**

Dùng để làm phẳng bề mặt nội nha sau phẫu thuật lật vạt nha chu.

Công suất áp dụng: 1–6 / P

---

#### **8.2.12 P4D / P4-SD**

Dùng để:

- Xác định vị trí ống tủy
- Loại bỏ vôi hóa ở 1/3 thân răng

Công suất áp dụng: 1–6 / P

---

### **8.3 Nội nha**

#### **8.3.1 E1 / E1-S**

Giá giữ góc 120° cho trâm nội nha đường kính 0,7–0,8 mm để làm sạch ống tủy.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

#### **8.3.2 E3 / E3-S**

Dùng để lèn ngang gutta-percha bằng hiệu ứng nhiệt.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

#### **8.3.3 E4 / E4-S**

Dùng để loại bỏ vật liệu trám trong điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

#### **8.3.4 E5 / E5-S**

Dùng để loại bỏ vật liệu trám trong điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

#### **8.3.5 E6 / E6-S**

Dùng để loại bỏ vôi hóa và vật liệu trám để mở lỗ ống tủy.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

#### **8.3.6 E7 / E7-S**

Dùng để lấy dụng cụ bị gãy.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

#### **8.3.7 E8 / E8-S**

Dùng để làm sạch thành ống tủy trong điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

**8.3.8 E9 / E9-S**

Dùng để làm sạch và rung rửa ống tử sau khi tạo hình.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

**8.3.9 E10 / E10-S**

Dùng để tạo hình ngược trong chuẩn bị nội nha ngược.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

**8.3.10 E30 / E30-S / E30-SD**

Dùng để loại bỏ dị vật sâu trong ống tử.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

**8.3.11 E31 / E31-S / E31-SD**

Dùng để loại bỏ dị vật ở 1/3 ống tử.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

**8.3.12 E3D / E3-SD**

Dùng để mở rộng thành ống tử nhằm loại bỏ dụng cụ bị gãy.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

**8.3.13 E4D / E4-SD**

Dùng để loại bỏ vật liệu cứng trong ống tử trong quá trình điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

**8.3.14 E5D / E5-SD**

Dùng để loại bỏ vật liệu cứng trong ống tử trong quá trình điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

**8.3.15 E6D / E6-SD**

Dùng để loại bỏ vật liệu lạ trong xoang để tiếp cận lỗ ống tử.

Công suất áp dụng: 1–10 / E

---

---

### **8.3.16 E7D / E7-SD**

Dùng để loại bỏ vôi hóa và vật liệu trám trong xoang để tiếp cận lỗ ống tủy trong điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

### **8.3.17 E8D / E8-SD**

Dùng cho làm sạch ngược ống tủy và đánh bóng hiệu quả vùng chóp chân răng.

Công suất áp dụng: 1–6 / E

---

### **8.3.18 E9D / E9-SD**

Dùng để loại bỏ vôi hóa và vật liệu trám trong xoang để tiếp cận lỗ ống tủy trong điều trị lại.

Công suất áp dụng: 1–3 / E

---

## **8.4 Chuẩn bị xoang (Cavity Preparation)**

### **8.4.1 TC1 / TC1D / TC1-S / TC1-SD**

Dùng để loại bỏ sâu răng cổ răng và sâu răng trên mặt nhai.

Công suất áp dụng: 1–10 / P

---

## **9. Lưu ý khi sử dụng**

9.1 Mũi phải được làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng trước và sau mỗi lần sử dụng.

9.2 Thay mũi mới khi:

- Mũi bị hỏng
- Có dấu hiệu hao mòn nhìn thấy được

9.3 Mũi phải được siết chặt và phải có tia nước phun ra khi hoạt động.

9.4 Cần sử dụng nước để làm mát và bôi trơn trong quá trình làm việc. Nước không cần phải được phun thành sương hoàn toàn. Bác sĩ có thể điều chỉnh lưu lượng nước theo nhu cầu.

9.5 Các mũi phủ kim cương cần được làm sạch bằng nước sau khi tiếp xúc với dung dịch oxy hóa để kéo dài tuổi thọ.

9.6 Không vận mũi khi máy lấy cao đang hoạt động.

9.7 Không để mũi tiếp xúc với dung dịch ăn mòn mạnh.

9.8 Mũi tương thích với các máy lấy cao siêu âm của:

- Eighteeth
- EMS
- Satelec

9.9 Không xoắn hoặc chà xát mũi.

9.10 Chỉ được sử dụng bởi nhân viên chuyên môn được đào tạo và đủ điều kiện (ví dụ: bác sĩ nha khoa) tại bệnh viện hoặc phòng khám.

9.11 Tuân thủ các hướng dẫn, tiêu chuẩn và quy định quốc gia về làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng.

9.12 Có thể sử dụng máy rửa-khử khuẩn đạt tiêu chuẩn ISO 15883.

---

## **10. Điều kiện bảo quản và vận chuyển**

### **10.1 Điều kiện bảo quản**

Bảo quản trong phòng:

- Sạch
- Khô
- Không ăn mòn
- Thông gió tốt

Điều kiện môi trường:

- Độ ẩm tương đối: 20% đến 80%
- Áp suất khí quyển: 70 kPa đến 106 kPa
- Nhiệt độ môi trường: -20°C đến +55°C

---

### **10.2 Điều kiện vận chuyển**

Cần tránh:

- Áp lực mạnh
- Mưa
- Tuyết

---

## **11. Làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng**

### **11.1 Giới thiệu**

Các bộ phận có nguy cơ nhiễm bẩn trong quá trình sử dụng lâm sàng là bề mặt bên ngoài của

mũi.

Vi lý do vệ sinh và an toàn, mũi phải được:

- Làm sạch
- Khử khuẩn
- Tiệt trùng

trước mỗi lần sử dụng để ngăn ngừa nhiễm bẩn.

Áp dụng cho:

- Lần sử dụng đầu tiên
- Và tất cả các lần sử dụng tiếp theo

Tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn quốc gia về làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng.

Quy trình tái xử lý có ảnh hưởng hạn chế đến dụng cụ nha khoa. Giới hạn số lần tái xử lý phụ thuộc vào:

- Chức năng
- Mức độ hao mòn

Không có số lần tái xử lý tối đa cố định.

Không được tái sử dụng nếu có dấu hiệu xuống cấp vật liệu.

Nếu thiết bị bị hỏng, phải tái xử lý trước khi gửi về nhà sản xuất để sửa chữa.

---

## 11.2 Khuyến nghị chung

Người sử dụng chịu trách nhiệm về:

- Đảm bảo vô trùng cho lần sử dụng đầu tiên và các lần tiếp theo
- Không sử dụng dụng cụ bị bẩn hoặc hỏng

Để đảm bảo an toàn, phải sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân:

- Găng tay
- Kính bảo hộ
- v.v.

Chỉ sử dụng dung dịch khử khuẩn:

- Có chứng nhận hiệu quả
- Có chứng nhận CE hoặc FDA
- Hoặc nằm trong danh sách VAH/DGHM

Tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất dung dịch khử khuẩn.

Chất lượng nước phải phù hợp với quy định địa phương, đặc biệt cho bước rửa cuối cùng hoặc khi sử dụng máy rửa-khử khuẩn.

Làm sạch và rửa kỹ trước khi tiệt trùng.

Không sử dụng thuốc tẩy hoặc dung dịch chứa clo.

---

### 11.3 Hướng dẫn tái xử lý

---

#### 11.3.1 Chuẩn bị tại nơi sử dụng

Trước khi làm sạch:

- Tháo mũi ra khỏi máy

Loại bỏ chất bẩn lớn bằng nước lạnh (<40°C) ngay sau khi sử dụng.

Không sử dụng:

- Chất tẩy rửa cố định protein
- Nước nóng (>40°C)

vì có thể làm cố định chất bẩn.

Bảo quản dụng cụ trong môi trường ẩm.

#### CẢNH BÁO

Không ngâm mũi trong:

- Nước điện phân axit
- Dung dịch kiềm mạnh
- Nước ozone
- Glutaral
- Hoặc dung dịch đặc biệt khác

vì có thể gây:

- Ăn mòn kim loại
- Bám dư lượng hóa chất

Phải sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân.

---

#### 11.3.2 Vận chuyển

Bảo quản và vận chuyển an toàn đến khu vực tái xử lý để tránh:

- Hư hỏng
  - Nhiễm bẩn môi trường
- 

#### 11.3.3 Chuẩn bị khử nhiễm

Thiết bị phải được xử lý ở trạng thái tháo rời.

CẢNH BÁO: Phải sử dụng phương tiện bảo hộ cá nhân.

---

#### **11.3.4 Làm sạch sơ bộ**

Làm sạch thủ công cho đến khi nhìn thấy sạch.

Ngâm trong dung dịch làm sạch và xịt rửa bằng nước máy lạnh ít nhất 10 giây.

Làm sạch bề mặt bằng bàn chải mềm.

---

#### **11.3.5 Làm sạch**

Ưu tiên sử dụng phương pháp làm sạch tự động vì:

- Chuẩn hóa tốt hơn
  - An toàn hơn
- 

#### **Làm sạch tự động**

Đặt dụng cụ vào máy rửa-khử khuẩn và cài đặt:

- Rửa sơ bộ 4 phút bằng nước lạnh (<40°C)
- Xả nước
- Rửa 5 phút bằng dung dịch kiềm nhẹ ở 55°C
- Xả nước
- Trung hòa 3 phút bằng nước ấm (40°C)
- Xả nước
- Rửa trung gian 5 phút bằng nước ấm (40°C)
- Xả nước

Đã được xác nhận với dung dịch: neodisher MediClean forte 0,5%

---

#### **11.3.6 Khử khuẩn**

Khử khuẩn nhiệt tự động bằng máy rửa-khử khuẩn theo ISO 15883.

Chu trình đã được xác nhận:

- 5 phút tại 93°C
- đạt giá trị A0 = 3000

Sử dụng nước khử khoáng hoàn toàn.

Không khuyến nghị khử khuẩn thủ công.

---

#### **11.3.7 Làm khô**

Làm khô bằng máy.

Có thể lau khô thêm bằng khăn không xơ.

Có thể dùng khí nén vô trùng.

---

### **11.3.8 Kiểm tra và bảo trì**

Kiểm tra:

- Độ sạch
- Lắp lại

Nếu chưa sạch, phải xử lý lại.

---

### **11.3.9 Đóng gói**

Đóng gói bằng vật liệu phù hợp với tiệt trùng.

Túi phải chịu được nhiệt độ: 141°C

Tuân thủ tiêu chuẩn EN ISO 11607.

---

### **11.3.10 Tiệt trùng**

Tiệt trùng bằng hơi nước tiền chân không phân đoạn theo:

EN 285 / EN 13060 / ISO 17665

Yêu cầu tối thiểu: 134°C trong 5 phút

Nhiệt độ tối đa: 137°C

Thời gian sấy: Ít nhất 8 phút

Không được tiệt trùng nhanh (flash sterilization).

---

### **11.3.11 Bảo quản sau tiệt trùng**

Bảo quản tại nơi:

- Khô
- Sạch
- Không bụi

Không sử dụng nếu bao bì:

- Bị hỏng
  - Bị ướt
  - Bị mở
-

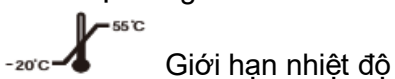
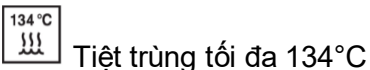
### 11.3.12 Xác nhận quy trình

Quy trình đã được xác nhận hợp lệ bởi nhà sản xuất.

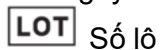
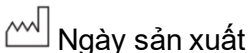
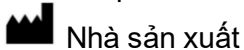
Người sử dụng phải đảm bảo quy trình được thực hiện đúng.

---

### 12. Giải thích ký hiệu



Mã sản phẩm



**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ SỞ**

**GIÁM ĐỐC**

**BÙI THỊ HOÀI**